

Số: 08/KL-TTr

Kbang, ngày 25 tháng 7 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc quản lý, sử dụng ngân sách và các hoạt động tài chính khác
tại UBND xã Sơ Pai trong hai năm 2017-2018

Thực hiện Quyết định số 17/QĐ-TTr ngày 21/5/2019 của Thanh tra huyện về “*thanh tra việc quản lý, sử dụng ngân sách và các hoạt động tài chính khác tại UBND xã Sơ Pai trong 2 năm 2017- 2018*”, từ ngày 27/5/2019 đến ngày 12/7/2019 Đoàn Thanh tra đã tiến hành kiểm tra hồ sơ, chứng từ, sổ sách liên quan đến việc quản lý, sử dụng ngân sách tại UBND xã Sơ Pai trong hai năm 2017-2018; đồng thời, làm việc với Chủ tịch, kế toán UBND xã Sơ Pai và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung thanh tra, tiến hành xác minh một số nội dung có liên quan.

Xét báo cáo số 01/BC-ĐTTr ngày 19/7/2019 của Trưởng đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng thanh tra,

Chánh Thanh tra huyện kết luận như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Xã Sơ Pai cách trung tâm hành chính huyện Kbang khoảng 20km về phía Bắc, là xã vùng II, kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn. Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự quản lý, điều hành của các cấp chính quyền, sự nỗ lực cố gắng của đồng bào các dân tộc trong xã, tình hình kinh tế - xã hội đã có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống của nhân dân dần đi vào ổn định, hệ thống chính trị ở cơ sở không ngừng được củng cố, kiện toàn và hoạt động có hiệu quả hơn.

Kinh phí hoạt động chủ yếu do ngân sách cấp trên hỗ trợ (*chiếm khoảng 84,34% tổng chi ngân sách địa phương*) và thu cân đối tại địa phương (*chiếm khoảng 15,66% tổng chi cân đối tại địa phương*).

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. VIỆC LẬP DỰ TOÁN

1. Căn cứ xây dựng dự toán:

Dự toán ngân sách xã được xây dựng trên cơ sở Quyết định giao dự toán thu – chi ngân sách hàng năm của UBND huyện; nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; chính sách, chế độ thu ngân sách Nhà nước, cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách xã và tỉ lệ phân chia nguồn thu do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định; mức khoán chi theo quy định tại Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của UBND tỉnh Gia Lai “*Quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với*

những người hoạt động không chuyên trách, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, làng trên địa bàn tỉnh” và kết quả thực hiện dự toán của những năm trước và để xây dựng dự toán cho năm kế hoạch.

2. Trình tự lập dự toán:

- Các tổ chức, đoàn thể xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi, để lập dự toán chi của tổ chức mình gửi Ban tài chính xã cân đối lập dự toán thu - chi, báo cáo UBND xã trình HĐND xã ban hành Nghị quyết phê duyệt dự toán năm kế hoạch.

- Qua thanh tra cho thấy, về cơ bản, công tác lập và giao dự toán thu - chi của xã Sơ Pai thực hiện theo trình tự của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ngân sách.

II. CHẤP HÀNH DỰ TOÁN

1. Biểu tổng hợp số liệu thu – chi ngân sách trong hai năm 2017-2018:

TT	Nội dung	Năm 2017			Năm 2018		
		Số dự toán	Số quyết toán	Tỷ lệ % QT/DT	Số dự toán	Số quyết toán	Tỷ lệ % QT/DT
I	Tổng thu ngân sách	4.690.776.000	7.513.004.070	160,2	5.304.720.000	8.677.077.111	163,6
1	Thu xã hưởng 100%	436.100.000	484.737.234	111,15	601.000.000	699.014.362	116,31
2	Thu theo tỉ lệ		245.743.200		204.000.000	368.140.600	180,46
3	Thu thông qua ngân sách		239.760.000			258.501.000	
4	Thu bổ sung từ Ngân sách	4.254.676.000	5.955.276.000	139,97	4.499.720.000	6.080.950.000	135,14
5	Thu bổ sung cân đối ngân sách	4.161.064.000	4.161.064.000	100,00	4.401.108.000	4.401.108.000	100,00
6	Thu bổ sung có mục tiêu	93.612.000	1.794.212.000	1.916,65	98.612.000	1.679.842.000	1.703,49
7	Thu kết dư năm trước		401.224.636			1.241.404.532	
8	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		186.263.000			26.444.617	
9	Thu các khoản thu chi sai chế độ					2.622.000	
II	Tổng chi ngân sách	7.042.880.636	6.271.599.538	89,05	8.032.776.172	7.020.873.714	87,40
1	Chi đầu tư phát triển	1.533.300.000	1.530.432.000	99,81	1.861.011.000	1.856.125.000	99,74
2	Chi thường xuyên	5.509.580.636	4.714.722.921	89,05	6.171.765.172	5.113.250.533	82,85
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		26.444.617			51.498.181	

2. Các hoạt động tài chính khác

Trong năm 2017-2018, UBND xã tiến hành thu chi các loại quỹ khác như: quỹ an ninh quốc phòng, quỹ đền ơn đáp nghĩa, thu - chi hộ tiền hỗ trợ làm nhà cho đối tượng chính sách, thu - chi hộ tiền hỗ trợ theo Nghị định 39, quỹ chăm sóc người cao tuổi, dịch vụ thu gom rác thải, cụ thể như sau:

ĐVT: VN đồng

TT	Loại quỹ	Năm 2017				Năm 2018			
		Dư đầu năm	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn	Dư đầu năm	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn
01	Quỹ an ninh quốc phòng		16.680.000	8.595.000	14.433.000	14.433.000 0	0	13.556.000	877.000
02	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	25.574.000 0	11.915.000	17.750.000	18.739.000 0	18.739.000 0	11.222.000	18.900.000	11.061.000
03	Thu-chi hộ tiền làm nhà cho các gia đình chính sách	0	150.000.00 0	150.000.00 0	0	0	150.000.00 0	150.000.00 0	0
04	Thu-chi hộ tiền hỗ trợ theo ND 39	0	32.000.000	32.000.000	0	0	8.000.000	8.000.000	0
05	Quỹ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi					0	5.920.000	0	5.920.000
06	Dịch vụ thu gom rác thải					0	14.230.000	14.160.000	70.000

C. KẾT LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ TIẾN HÀNH THANH TRA

1. Những kết quả đạt được

- UBND xã đã căn cứ dự toán thu, chi ngân sách hàng năm được UBND huyện giao để xây dựng dự toán ngân sách xã theo đúng chế độ, chính sách, định mức tài chính của Nhà nước, phù hợp với cơ chế phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách xã và tỉ lệ phân chia nguồn thu do HĐND tỉnh quy định và kế hoạch kinh tế - xã hội của xã theo đúng quy định trình Hội đồng nhân dân xã phê duyệt.

- Hệ thống sổ sách kế toán được mở đầy đủ, hạch toán đúng quy định; tài sản, hàng hóa mua sắm đã được lập thủ tục xuất - nhập kho và hạch toán theo quy định của Bộ Tài chính tại Quyết định 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 146/2011/TT- BTC ngày 26/10/2011 của Bộ Tài chính.

- Nhìn chung những nội dung chi đều có trong dự toán và dự toán bổ sung; những nội dung chi đều được chủ tài khoản UBND xã Sơ Pai duyệt chi theo quy định.

- UBND xã đã thực hiện nhiệm vụ thu theo chỉ tiêu được huyện giao, một số khoản thu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch như: thu phí, lệ phí; thu thuế giá trị gia tăng, thu phạt an toàn giao thông.

- Các nội dung chi cơ bản phù hợp với chế độ, chính sách và định mức tài chính của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị được giao.

2. Về hạn chế:

2.1. Đối với ngân sách xã:

- UBND xã chưa xây dựng Quy chế tự kiểm tra tài chính kế toán theo quy định tại Quyết định 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Hệ thống sổ sách kế toán tuy đã mở đầy đủ và hạch toán theo quy định, nhưng chưa được đóng dấu giáp lai theo quy định tại khoản 02, điều 24 Luật kế toán số 88/2015/QH13 năm 2015.

- Việc thanh toán ngân sách xã còn hạn chế, thiếu sót, đó là:

+ Tại một số chứng từ thanh toán tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương, UBND xã không thanh toán tiền phụ cấp khu vực theo mức phụ cấp khu vực tại địa bàn đi học cho một số cán bộ, công chức xã (*địa bàn có mức phụ cấp 0,4*) mà vẫn thanh toán tiền phụ cấp khu vực theo mức phụ cấp khu vực tại địa bàn xã (*địa bàn có mức phụ cấp khu vực 0,5*) với số tiền chênh lệch phụ cấp khu vực giữa hai địa bàn là **2.622.000 đồng**. Số tiền này đơn vị đã tự thu hồi, nộp ngân sách theo biên bản thẩm định của phòng Tài chính – kế hoạch huyện.

+ Tại phiếu chi số 14 ngày 16/2/2017 chi thanh toán tiền cấp cho các Tổ đại biểu HĐND xã tổ chức tiếp xúc cử tri, đã thanh toán vượt định mức theo quy định tại điều 6, Nghị quyết số 79/2013/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai với số tiền là **350.000 đồng**, nên kiến nghị thu hồi sung ngân sách.

+ Tại phiếu chi số 44 ngày 20/3/2017, đã thanh toán tiền hỗ trợ may trang phục không đúng đối tượng cho 02 trường hợp theo quy định tại khoản 3, điều 12 Nghị quyết số 79/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai, với số tiền **4.000.000 đồng**, nên kiến nghị thu hồi sung ngân sách.

2.2. Đối với một số công trình sử dụng nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn vốn của chương trình 135:

2.2.1. Đối với các công trình thủy lợi được đầu tư từ nguồn vốn của chương trình 135:

a. Công trình thủy lợi Đăk Lét.

- Tổng giá trị công trình: 587.126.000 đồng;

- Hạng mục: Kiên cố hóa kênh mương;

- Đơn vị thi công: Tổ nhóm thợ.

- Hồ sơ thanh, quyết toán

DVT: VN đồng

STT	Chi phí	Dự toán	Quyết toán
01	Chi phí xây dựng	579.380.000	579.380.000
02	Chi phí ban quản lý	5.717.000	5.578.000
03	Chi phí ban giám sát	2.169.000	2.168.000
04	Chi phí khác	13.734.000	0
Tổng		601.000.000	587.126.000

- Kết quả kiểm tra thực tế:

Qua đo, đếm và quan sát trực quan, công trình có tổng chiều dài toàn tuyến là 735m, mặt cắt ngang kênh 40^{cm}x60^{cm}, thành kênh dày 8cm, đáy kênh có lớp lót xi măng, trên thành kênh bố trí các khoang dài 5m, mỗi khoang có hai thanh giằng (10^{cm}x10^{cm}), chiều dài thanh giằng là 30^{cm}, giữa các khoang có khe giãn bằng giấy dầu và matit.

b. Công trình thủy lợi Plei Tơ Kon

- Hồ sơ thiết kế:

- + Tổng giá trị công trình: 660.811.000 đồng;
- + Hạng mục: Kiên cố hóa kênh mương;
- + Đơn vị thi công: Tổ nhóm thợ.

- Hồ sơ thanh, quyết toán:

DVT: VN đồng

STT	Chi phí	Dự toán	Quyết toán
01	Chi phí xây dựng	651.953.000	651.953.000
02	Chi phí ban quản lý	6.423.000	6.422.000
03	Chi phí ban giám sát	2.436.000	2.436.000
04	Chi phí khác	188.000	0
Tổng		661.000.000	660.811.000

- Kết quả kiểm tra thực tế:

Qua đo, đếm và quan sát trực quan, công trình có tổng chiều dài kênh là 750m, mặt cắt ngang kênh 40cmx60cm, thành kênh dày 8cm, đáy kênh có lớp lót xi măng, trên thành kênh bố trí các khoang dài 5m, trên mỗi khoang có hai thanh giằng (10^{cm}x10^{cm}), chiều dài thanh giằng là 30cm, giữa các khoang có khe giãn bằng giấy dầu và matit; công trình được bố trí 3 cầu qua kênh, kích thước ngang cầu là 70x75cm; có 01 cống bản 70x75 dài 6m.

c. Nhận xét, đánh giá đối với các công trình thủy lợi:

Việc kiên cố hóa kênh mương của các công trình thủy lợi Đăk Lét và Plei Tơ Kon đã tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp của người dân, góp phần nâng cao

năng xuất, sản lượng cây trồng. Tuy nhiên, qua quan sát trực quan, hiện nay một số đoạn kênh bị cây cỏ, bụi rậm che chắn cục bộ, dễ gây tắc nghẽn dòng chảy kênh.

2.2.1. Các công trình giao thông được đầu tư từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM:

a. Công trình đường xã đi trung tâm huyện

- Tổng giá trị công trình: 880.488.000 đồng;
- Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước;
- Đơn vị thi công: Tổ nhóm thợ.
- Hồ sơ thanh, quyết toán:

ĐVT: VN đồng

STT	Chi phí	Dự toán	Quyết toán
01	Chi phí xây dựng	871.701.000	868.898.000
02	Chi phí ban quản lý	8.400.000	8.400.000
03	Chi phí lập hồ sơ	3.190.000	3.190.000
04	Chi phí khác	0	0
Tổng		883.300.000	880.488.000

- Kết quả kiểm tra thực tế:

Mặt đường BTXM rộng 3,5m, dài 620m, dày 0,2m, mở thêm tại ngã 3 giáp đường nội thôn với diện tích 35m²; lề đường đắp đất 2 bên mỗi bên rộng 1,5m; thoát nước dọc: Bố trí rãnh đất hình thang kích thước 0,4(0,4+1,2)m dọc 2 bên tuyến đường. Trên tuyến có 02 cống bản (70x50)cm tại ngã ba giao đường đất dài 7m và 10m; thoát nước ngang: thi công hai cống bản (70x50)cm, dài 7m, hố thu, tường cánh xây đá hộc; trên toàn tuyến có bố trí các khe co theo thiết kế. Tuy nhiên, không thể hiện các khe giãn và không có gối chèn khe.

b. Công trình đường thôn 3 đi thôn 5:

- Tổng giá trị công trình: 649.944.000 đồng;
- Hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước;
- Đơn vị thi công: Tổ nhóm thợ.
- Hồ sơ thanh, quyết toán

ĐVT: VN đồng

STT	Chi phí	Dự toán	Quyết toán
01	Chi phí xây dựng	641.444.000	641.444.000
02	Chi phí ban quản lý	6.200.000	6.144.000
03	Chi phí lập hồ sơ	2.300.000	2.300.000
04	Chi phí khác	0	0
Tổng		650.000.000	649.944.000

- Kết quả kiểm tra thực tế:

Mặt đường BTXM rộng 3m, dài 650m, dày 0,18m, mở thêm tại ngã 3 giáp đường nội thôn với diện tích 60m²; lề đường đắp đất 2 bên mỗi bên rộng 1m; thoát nước ngang: Thi công 01 cống bản (70x50)cm, dài 7m; toàn tuyến có thể hiện khe co theo thiết kế. Tuy nhiên, không thể hiện các khe giãn và không có gối chèn khe.

c. Công trình đường nội thôn 1 (khu vực bãi cháy)

- Tổng giá trị công trình: 439.291.000 đồng;

- Hạng mục: Mặt đường BTXM;

- Đơn vị thi công: Tổ nhóm thợ.

*** Hồ sơ thanh, quyết toán**

DVT: VN đồng

STT	Chi phí	Dự toán	Quyết toán
01	Chi phí xây dựng	436.266.000	433.631.000
02	Chi phí ban quản lý	4.072.000	4.072.000
03	Chi phí giám sát	1.588.000	1.588.000
04	Chi phí khác	174.000	0
Tổng		442.100.000	439.291.000

- Kết quả kiểm tra thực tế:

Mặt đường BTXM rộng 3m, dài 420m, dày 0,18m, mở thêm tại ngã 3 với diện tích 16m²; lề đường đắp đất 2 bên mỗi bên rộng 1m; toàn tuyến có thể hiện khe co theo thiết kế. Tuy nhiên, không thể hiện các khe giãn và không có gối chèn khe.

d. Công trình đường thôn 4 (đoạn từ nhà ông Giòong đến nhà ông Thành):

- Tổng giá trị công trình: 320.023.000 đồng;

- Hạng mục: Mặt đường BTXM;

- Đơn vị thi công: Tổ nhóm thợ.

- Hồ sơ thanh, quyết toán

DVT: VN đồng

STT	Chi phí	Dự toán	Quyết toán
01	Chi phí xây dựng	317.765.000	315.820.000
02	Chi phí ban quản lý	3.047.000	3.047.000
03	Chi phí lập HS	1.156.000	1.156.000
04	Chi phí khác	132.000	0
Tổng		322.100.000	320.023.000

- Kết quả kiểm tra thực tế:

Mặt đường BTXM rộng 3m, dài 310m, dày 0,18m, mở thêm tại ngã 4 giáp đường liên xã diện tích 7m²; lề đường đắp đất 2 bên mỗi bên rộng 1m; toàn tuyến có thể hiện khe co theo thiết kế. Tuy nhiên, không thể hiện các khe giãn và không có gối chèn khe.

e. Công trình đường ra khu sản xuất tập trung:

- Tổng giá trị công trình: 420.000.000 đồng;

- Hạng mục: Hệ thống thoát nước;

- Đơn vị thi công: Tổ nhóm thợ.

- Hồ sơ thanh, quyết toán

DVT: VN đồng

STT	Chi phí	Dự toán	Quyết toán
01	Chi phí xây dựng	414.986.000	414.986.000
02	Chi phí ban quản lý	3.478.000	3.478.000
03	Chi phí lập HS	1.536.000	1.536.000
04	Chi phí khác	0	0
Tổng		420.000.000	420.000.000

- Kết quả kiểm tra thực tế:

Toàn bộ công trình tiến hành xây dựng hệ thống thoát nước gồm 01 ngàm tràn đá học dài 23m và 02 cống đường kính 150cm, dài 6m. Thi công đảm bảo theo hồ sơ thiết kế ban đầu.

f. Nhận xét, đánh giá đối với các công trình giao thông:

- Các công trình giao thông đều phát huy hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân. Quan sát trực quan, các công trình thi công đáp ứng các yêu cầu trong bản vẽ thi công và dự toán công trình, đảm bảo khối lượng, chất lượng, không phát hiện tình trạng lộ đầu đá trên mặt đường bê tông xi măng, không phát hiện tình trạng sạt lở nền đường.

- Tuy nhiên, một số đoạn mương rãnh thoát nước dọc đã xuất hiện tình trạng bồi lấp, dễ gây sạt lở nền đường vào mùa mưa; hiện trạng các công trình không bố trí khe giãn theo hồ sơ thiết kế, nên kiến nghị kéo dài thời gian bảo hành liên quan đến kết cấu kỹ thuật của khe giãn.

Do không có khe giãn theo hồ sơ thiết kế, nên việc thanh, quyết toán vật liệu gỗ chèn khe đối với số tiền **5.364.448 đồng** là không có cơ sở, nên kiến nghị thu hồi sung ngân sách. Trong đó: công trình đường về Trung tâm huyện **1.919.775 đồng**, Công trình đường thôn 3 đi thôn 5: **1.579.500 đồng**, công trình đường nội thôn 1: **1.096.874 đồng**, công trình đường thôn 4: **768.299 đồng**.

II. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở kết quả thanh tra, kết luận nêu trên, Thanh tra huyện báo cáo, đề nghị Chủ tịch UBND huyện xem xét, có văn bản chỉ đạo:

1. UBND xã Sơ Pai:

- Yêu cầu chủ tài khoản và kế toán UBND xã Sơ Pai nghiêm túc rút kinh nghiệm về những hạn chế, thiếu sót nêu trên.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, nạo vét kênh mương các công trình thủy lợi, rãnh thoát nước dọc các công trình giao thông để khắc phục tình trạng bồi lấp, che chắn cục bộ, gây tắc nghẽn kênh mương và tình trạng bồi lấp rãnh thoát nước dọc, gây xói lở nền đường.

- Làm việc với đơn vị thi công để yêu cầu kéo dài thời gian bảo hành đối với các hạng mục công trình có liên quan đến kết cấu kỹ thuật của khe giãn đối với các công trình giao thông do lỗi của đơn vị thi công.

- Thu hồi số tiền **9.714.448 đồng** thanh toán không đúng quy định nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

+ Thanh toán vượt định mức tiền hỗ trợ cho các tổ đại biểu HĐND xã tổ chức tiếp xúc cử tri số tiền **350.000 đồng**.

+ Thanh toán hỗ trợ may trang phục không đúng đối tượng với số tiền **4.000.000 đồng**.

+ Giá trị chi phí hạng mục gỗ chèn khe các công trình giao thông không đúng theo thực tế **5.364.448 đồng**.

2. Chánh Thanh tra huyện có trách nhiệm:

Thu hồi số tiền sai phạm của UBND xã Sơ Pai là **9.714.448 đồng** nộp ngân sách nhà nước.

Kính đề nghị UBND huyện xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh Gia Lai;
- TT Huyện ủy;
- TT UBND huyện;
- UBKT huyện ủy;
- Phòng TC-KH huyện;
- UBND xã Sơ Pai;
- Lãnh đạo TTr huyện;
- Lưu VT, HS Đoàn TTr.

